TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/04/2023.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Phước Lợi – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn – nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1987; cư trú: số 359 ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc số 55 đường BH 4, tổ 9 khu phố ĐB, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Kiến T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: số 359 ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà N trình bày: Bà và ông Đặng Kiến T do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T thường hay nhậu không lo lắng trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn chung sống từ năm 2020 cho đến nay do không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Kiến T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08/08/2013 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn và ông Đặng Kiến T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: bà N, ông T kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau từ năm 2020, nhận thấy tình cảm không còn, bà N yêu cầu ly hôn; vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08/08/2013 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; ông T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà N xin ly hôn với ông T và yêu cầu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2].Về nội dung tranh chấp: bà N ông T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà N trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ đó vợ chồng thường hay cải nhau vợ chồng không còn chung sống từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà N yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa

giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N, ông T nguyên nhân do ông T thường hay nhậu không lo lắng trong gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N xin ly hôn ông T.

[3] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08/08/2013 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu T1 do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối, nguyện vọng cháu T1 cũng mong muốn được tiếp chung sống với mẹ. Do đó, để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà N phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N xin ly hôn ông Đặng Kiến T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 222 ngày 10 tháng 10 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08/08/2013; ông Đặng Kiến T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà N xác định không có nợ

chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà N, ông T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Thị N, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013203 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 01/02/2023.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Nhơn Mỹ, h.Chợ Mới.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình